

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi khi phải di dời trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất

1. Các trường hợp được hỗ trợ di dời

- Khu vực thu hồi đất không có dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.
- Chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La di dời đến vị trí mới để chăn nuôi đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chăn nuôi.

2. Biện pháp hỗ trợ

Hỗ trợ bằng tiền trên cơ sở xác định khối lượng vật nuôi thực tế thuộc đối tượng được hỗ trợ di dời bằng phương pháp xác định khối lượng, xác định quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi.

3. Mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi

Khi Nhà nước thu hồi đất chủ sở hữu vật nuôi được hỗ trợ kinh phí di dời vật nuôi (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chính quyền địa phương, chủ sở hữu vật nuôi kiểm đếm, xác định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất để lập dự toán hỗ trợ di dời. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong phương án hỗ trợ.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo quy định.

3. Chủ sở hữu vật nuôi có trách nhiệm phối hợp với tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chính quyền địa phương kiểm đếm, xác

định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất, chấp hành việc di dời vật nuôi.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo và đề xuất giải pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 3 năm 2025.

2. Đối với những dự án, hạng mục dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường hoặc đang chi trả bồi thường theo phương án bồi thường đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được duyệt, không áp dụng theo Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 10b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục:
**Mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

(kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (Đồng)
I	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 05 km		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	140.000
-	Lợn	Tấn/Km	150.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	160.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	170.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	190
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	150.000
-	Lợn	Tấn/Km	160.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	170.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	180.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	200
II	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	6.000
-	Lợn	Tấn/Km	6.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	7.500
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,0
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	7.000
-	Lợn	Tấn/Km	7.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	8.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.500
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,5

Ghi chú:

- Số lẻ (m) quy đổi ra km (VD 250m=0,25km).
- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 5 km áp dụng theo mục I phụ lục kèm theo Quyết định.
- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên áp dụng theo mục II kèm theo Quyết định.

Tổng kinh phí hỗ trợ bằng số kinh phí hỗ trợ của quãng đường đến 05 km (mục I Phụ lục kèm theo Quyết định này) cộng với số kinh phí hỗ trợ của quãng đường từ trên 05 km trở lên (mục II Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Ví dụ: 01 cơ sở chăn nuôi có 01 tấn lợn di chuyển trên loại đường cứng hoá đến vị trí mới để chăn nuôi với quãng đường 20 km thì được hỗ trợ như sau: 05 km x 150.000 đồng/tấn/km = 750.000 đồng, 15 km sau x 6.500 đồng = 97.500 đồng, như vậy tổng tiền được hỗ trợ = 750.000 đồng + 97.500 đồng = 847.000 đồng.